

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm,
nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2016

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sáu tháng đầu năm 2016, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do giá dầu thô liên tục ở mức thấp, các nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm, tác động bất lợi đến sự phục hồi của kinh tế toàn cầu; kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế thấp hơn cùng kỳ; cùng với những khó khăn chung của cả nước, tỉnh ta còn gặp phải khó khăn riêng do rét đậm, rét hại, dịch bệnh ở gia súc, gia cầm xảy ra ở một số địa phương, tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm; tranh thủ tác động tích cực của các dự án quy mô lớn đang triển khai trên địa bàn và sự cải thiện đáng kể của các chỉ số về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn nên tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm có nhiều chuyển biến tích cực, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Kết quả cụ thể như sau:

1. Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; nhiều lĩnh vực đạt kết quả khá so với cùng kỳ

Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng ước đạt 8,03%, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 2,47%, công nghiệp - xây dựng tăng 12,07%, dịch vụ tăng 7,61%, thuế sản phẩm giảm 3,06%; nếu loại trừ yếu tố thuế sản phẩm, tăng trưởng đạt 8,53%; cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 19,81%, giảm 1,33%; công nghiệp - xây dựng chiếm 43,3% tăng 1,9%; dịch vụ chiếm 33,34%, xấp xỉ cùng kỳ.

1.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển ổn định và đạt kết quả tích cực; giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 12.877 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Sản lượng lương thực vụ đông xuân ước đạt 951,4 nghìn tấn, vượt 1,8% so với kế hoạch; năng suất một số cây trồng chính tăng so với cùng kỳ như: lúa ước đạt 65,2 tạ/ha (tăng 1,7 tạ/ha), ngô 45,1 tạ/ha (tăng 0,3 tạ/ha); khoai 71,8 tạ/ha

(tăng 0,9 tạ/ha); lạc 19,6 tạ/ha (tăng 0,8 tạ/ha). Đến nay, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 3.349 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn; đồng thời, tiếp tục phát triển các sản phẩm lợi thế như: lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 62.132 ha; ngô thâm canh 6.668 ha; mía thâm canh 6.669 ha; rau an toàn 225,7 ha.

Chăn nuôi phát triển ổn định; kết quả điều tra ngày 01/4/2016, đàn bò tăng 6,2%, đàn lợn tăng 0,2%, đàn trâu tương đương cùng kỳ, đàn gia cầm giảm 0,3%; sản lượng các sản phẩm thịt hơi, trứng, sữa đều tăng; tiêm phòng đợt 1 cho gia súc, gia cầm đạt 100% kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ.

Sản xuất lâm nghiệp đạt kết quả tích cực; giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm ước đạt 818,9 tỷ đồng, tăng 17,2% so cùng kỳ; trồng rừng tập trung ước đạt 3.517 ha; đã phát hiện, xử lý 349 vụ vi phạm về khai thác và vận chuyển lâm sản.

Sản xuất thủy sản tăng khá, giá trị sản xuất ước đạt 2.235 tỷ đồng, tăng 7,7%; sản lượng ước đạt 74,3 nghìn tấn, tăng 6,5%; sản lượng khai thác xa bờ đạt 20,2 nghìn tấn, tăng 8,4% so với cùng kỳ; đến ngày 30/5/2016, toàn tỉnh có 1.557 tàu đánh bắt xa bờ với tổng công suất là 357 nghìn CV; tăng 10,5% về số tàu và 15,68% về công suất so với cùng kỳ.

Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện; toàn tỉnh hiện có 01 huyện, 114 xã, 183 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 13,3 tiêu chí.

1.2. Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá; giá trị sản xuất ước đạt 30.510 tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 19,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,5%, khu vực ngoài nhà nước tăng 6,4%. Một số sản phẩm chủ yếu có sản lượng tăng khá như: clinker (gấp 2,3 lần), ô tô tải (tăng 66,9%), thuốc lá bao (44,1%), quần áo may sẵn (31,8%), tinh bột sắn (26,5%), điện sản xuất (26,6%), đường kết tinh (15,3%). Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,9% so với cùng kỳ, một số sản phẩm tiêu thụ tốt như: xe ô tô, trang phục may sẵn, thuốc lá, bao bì, đường,... Trong sáu tháng đầu năm, đã thành lập NM sản xuất phân bón Đức - Việt¹ theo Chương trình hợp tác giữa tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức); dây chuyền 2 NM Xi măng Công Thanh bắt đầu sản xuất và đang trong quá trình giới thiệu sản phẩm clinker, xi măng ra thị trường.

Tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được quan tâm phát triển; giá trị sản xuất ước đạt 6.925 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ, đóng góp 22,7% trong tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp.

1.3. Các ngành dịch vụ tiếp tục có bước phát triển; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 34.720 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ. Giá cả hàng hóa trên thị trường nhìn chung ổn định; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 5 tháng đầu năm tăng 1,64% so với cùng kỳ. Công tác quản lý thị trường được tăng cường; 6 tháng đầu năm, đã kiểm tra 2.770 vụ, phát hiện và xử

¹ TMĐT giai đoạn 1 là 500.000 Euro; công suất 10.000 tấn phân bón hữu cơ vi sinh/năm

lý 2.571 vụ vi phạm, thu phạt hành chính 8,6 tỷ đồng.

Xuất khẩu tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng khá; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 780,7 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ; trong đó xuất khẩu chính ngạch đạt 699 triệu USD, tăng 17,2%; một số mặt hàng xuất khẩu chính ngạch tăng khá gồm: bột cá (gấp 2,5 lần), hải sản đông lạnh (tăng 67,8%), hàng may mặc (45,7%), giày thể thao (15,3%). Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 564,6 triệu USD, tăng 33% so với cùng kỳ.

Hoạt động du lịch diễn ra sôi động gắn với các chương trình lễ hội đầu năm và các sự kiện mùa du lịch biển. Ngành du lịch ước đón 3,8 triệu lượt khách, tăng 13,6%; doanh thu ước đạt 4.092 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ.

Vận tải ước đạt 23,2 triệu tấn hàng hóa và 18,6 triệu lượt khách, so với cùng kỳ tăng 7,3% về hàng hóa và 19,6% về lượt khách; xếp dỡ hàng hóa qua cảng ước đạt 3,16 triệu tấn, tăng 12%, trong đó qua cảng Nghi Sơn chiếm 93%. Trong 6 tháng đầu năm, đã khánh thành và đưa vào sử dụng nhà ga mới Cảng hàng không Thọ Xuân, mở thêm đường bay mới Thanh Hóa - Nha Trang với tần suất 4 chuyến/tuần, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại, du lịch của nhân dân.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục có bước phát triển; 6 tháng đầu năm, phát triển mới 263,4 nghìn thuê bao điện thoại, nâng tổng số thuê bao lên 2,79 triệu thuê bao, đạt mật độ 78,69 thuê bao/100 dân; thuê bao internet đạt 764 nghìn, mật độ 21,55 thuê bao/100 dân. Doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông ước đạt 1.680 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ.

Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm ngân hàng phát triển) đến 30/6 ước đạt 54.388 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm; tổng dư nợ ước đạt 67.895 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Dư nợ cho vay 5 lĩnh vực ưu tiên (phát triển nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng xuất khẩu; công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp vừa và nhỏ; sản xuất kinh doanh công nghệ cao) ước đạt 27.886 tỷ đồng, chiếm 51,01% tổng dư nợ. Tính đến thời điểm hiện tại, có 3.501 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng, tăng 193 doanh nghiệp so với cuối năm 2015, dư nợ đạt 26.918 tỷ đồng, tăng 8,08% so với cùng kỳ.

1.4. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 5.067 tỷ đồng, trong đó thu nội địa và thu từ sử dụng đất đạt kết quả tích cực; thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất đạt 3.845 tỷ đồng, bằng 52% dự toán, tăng 14% so với cùng kỳ; thu sử dụng đất đạt 889,7 tỷ đồng, bằng 59% dự toán cả năm. Chi ngân sách ước đạt 11.117 tỷ đồng, bằng 51% dự toán năm, đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực.

1.5. Công tác phát triển doanh nghiệp được quan tâm; 6 tháng đầu năm, thành lập mới 712 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 3.536 tỷ đồng; so với cùng kỳ, tăng 21% về số doanh nghiệp và 3% về vốn đăng ký. Trong 6 tháng, có 215 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động, tăng 168 doanh nghiệp so với cùng kỳ; tổng thu nộp ngân sách nhà nước của khối doanh nghiệp ước đạt 2.439,5 tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ, chiếm 48,1% (cùng kỳ là 42,4%).

1.6. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường được tăng cường; đã hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của 27 huyện, thị xã, thành phố; hiện đang thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối 2016 - 2020. Trong 6 tháng, đã cấp quyền khai thác 35 mỏ khoáng sản và 22 giấy phép thăm dò khoáng sản cho các đơn vị; đóng cửa 02 mỏ khoáng sản rắn. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo; đã tiến hành kiểm tra 29 đơn vị, phát hiện và xử phạt 15 đơn vị vi phạm.

1.7. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư và hoạt động kinh tế đối ngoại được quan tâm nên thu hút đầu tư vào tỉnh đạt kết quả tích cực. Sáu tháng đầu năm, đã chấp thuận chủ trương đầu tư 81 dự án (3 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký 9.119 tỷ đồng và 28 triệu USD².

Các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh năm 2015 được cải thiện rõ rệt; trong đó, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 10 cả nước, tăng 2 bậc; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp thứ 9, tăng 15 bậc so với năm trước.

Huy động vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm ước đạt 60.750 tỷ đồng, tăng 19,1% so với cùng kỳ, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng 17%; vốn tín dụng đầu tư phát triển tăng 18%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước tăng 11%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 20%; vốn đầu tư của dân cư và tổ chức doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 19% so với cùng kỳ; thị trường bất động sản có dấu hiệu chuyển biến tích cực. Sáu tháng đầu năm, đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án lớn, quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương; Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, Đường Trần Nhân Tông, TX. Sầm Sơn; Đại lộ Nam sông Mã - GD I; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 217 (GD I),...; đã khởi công xây dựng một số dự án lớn như: Trung tâm thương mại Vincom và Trụ sở làm việc Thành ủy - HĐND - UBND thành phố Thanh Hóa; Khu đô thị Sao Mai, Triệu Sơn; Dây chuyền số 2 - Nhà máy xi măng Long Sơn...

Giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân của các dự án đầu tư từ NSNN, TPCP do địa phương quản lý có chuyển biến tích cực so với kế hoạch và cùng kỳ; khối lượng thực hiện ước đạt 2.026 tỷ đồng; giải ngân đến ngày 15/6 đạt 2.301 tỷ đồng (không tính vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất), bằng 51% kế hoạch vốn đã giao chi tiết.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện

2.1. Hoạt động khoa học công nghệ đã tổ chức nghiệm thu 18 nhiệm vụ khoa học; thẩm định và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công

² Một số dự án có quy mô lớn như: Dây chuyền 2 xi măng Long Sơn (3.822 tỷ đồng), NM sản xuất sợi và vùng nguyên liệu cây gai (627 tỷ đồng), NM sản xuất hàng dệt may xuất khẩu (25 triệu USD).

nghệ cho 03 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh lên 14 (đứng thứ 3 toàn quốc, sau TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh). Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng được tăng cường; đã kiểm tra 87 cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát hiện và xử lý 11 cơ sở vi phạm.

2.2. Hoạt động văn hóa, thông tin đã tập trung tuyên truyền thành công Đại hội Đảng toàn quốc, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, các lễ hội đầu năm, lễ hội du lịch biển, phục vụ nhu cầu du lịch, thưởng thức nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử được chú trọng; di tích khảo cổ Hang Con Moong và di tích phụ cận được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì; đã tổ chức 07 giải cấp tỉnh, 124 giải cấp huyện, 378 giải thể thao quần chúng cấp xã, phường; tỷ lệ dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 36%, tăng 1% so với cùng kỳ. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng - Khu vực III, đoàn Thanh Hóa giành 100 huy chương (43 HCV) xếp thứ nhất toàn đoàn. Thể thao thành tích cao đạt 167 huy chương (38 HCV) tại 36 giải quốc gia và quốc tế; đội bóng đá FLC Thanh Hóa sau 11 vòng đấu đạt 19 điểm và tạm xếp thứ 3 tại Giải vô địch quốc gia V-League 2016.

2.3. Ngành giáo dục và đào tạo đã hoàn thành chương trình năm học 2015 - 2016; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2016; phối hợp với Trường Đại học Y Hà Nội tuyển sinh, đào tạo năm học 2016 cho Phân hiệu tại Thanh Hóa. Giáo dục mũi nhọn tiếp tục duy trì thành tích trong top đầu cả nước; kỳ thi học sinh giỏi quốc gia khối THPT, học sinh tỉnh ta đạt 58 giải (6 giải nhất), xếp thứ 4 toàn quốc (tăng 2 bậc so với năm 2015), có 03 học sinh được chọn tham dự đội tuyển dự thi Olympic quốc tế; tại cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật toàn quốc, học sinh tỉnh ta có 9 dự án đạt giải, trong đó có 01 dự án được lựa chọn thi quốc tế. Trong 6 tháng, có thêm 24 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia lên 54,3%.

2.4. Ngành y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao y đức cho cán bộ, y, bác sỹ; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; nhiều kỹ thuật cao đã được đưa vào chuẩn đoán, điều trị như: phẫu thuật van tim hở, thay van tim nhân tạo, thay khớp gối,...; các bệnh viện trung ương và bệnh viện tuyến tỉnh đã chuyển giao 207 kỹ thuật cho bệnh viện tuyến huyện. Các đơn vị y tế dự phòng đã chủ động giám sát tình hình dịch bệnh, không để xảy ra bệnh dịch lớn. Công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh ATTP được tăng cường, đã tổ chức 17 đợt kiểm tra tại 288 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, phát hiện và xử lý 35 cơ sở vi phạm.

2.5. Công tác giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện; 6 tháng đầu năm, đã giải quyết việc làm cho 30.650 lao động, tăng 0,2% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu 4.510 lao động; giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 5.870 người; đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho hơn 149 nghìn đối tượng chính sách và gần 44 nghìn người cao tuổi; hỗ trợ 2.136,8 tấn gạo cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

3. Tình hình chính trị ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; cải cách thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được quan tâm thực hiện

Các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới, trên biển và các địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự, chủ động xử lý các tình huống, nên không để xảy ra bị động, bất ngờ; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp và các sự kiện quan trọng khác của tỉnh. Đã hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch tuyển quân với 4.300 quân nhân nhập ngũ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quốc phòng, an ninh, chính trị chuyên ngành cho các đối tượng theo kế hoạch.

Lực lượng công an đã mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội nên tình hình tội phạm có chuyển biến tích cực; so với cùng kỳ, tội phạm về trật tự xã hội giảm 5,69%, tội phạm về kinh tế, chức vụ giảm 10,5% về số vụ. Trong 6 tháng đầu năm, đã đấu tranh triệt xóa 126 băng, ổ nhóm tội phạm, bắt 498 đối tượng; điều tra làm rõ 906 vụ với 1.852 đối tượng phạm tội về trật tự xã hội; điều tra xác minh 144 vụ với 177 đối tượng có dấu hiệu vi phạm và phạm tội về kinh tế, tham nhũng. Công tác bảo đảm an toàn giao thông được tăng cường; theo báo cáo của ngành công an, 6 tháng đầu năm tai nạn giao thông giảm 6,7% về số vụ, giảm 12,2% số người chết và 19,4% số người bị thương.

Cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; rà soát, sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong các sở, ban, ngành phù hợp với thông tư hướng dẫn của Trung ương. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo được quan tâm giải quyết từ cơ sở; phổ biến giáo dục pháp luật, kiểm tra, thẩm định văn bản được đẩy mạnh. Công tác thanh tra được triển khai thực hiện theo kế hoạch; thanh tra phục vụ phòng chống tham nhũng được tăng cường.

Tóm lại, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2016 là tích cực và khả quan, trong số 12 chỉ tiêu chủ yếu có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm (các chỉ tiêu còn lại chỉ thống kê cả năm), có 7 chỉ tiêu đạt trên và xấp xỉ 50% kế hoạch cả năm³. Trong các kết quả đạt được, nổi bật là tốc độ tăng trưởng của các ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng, dịch vụ cao hơn cùng kỳ năm trước. Hoạt động kinh tế đối ngoại và công tác xúc tiến đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh; huy động vốn đầu tư phát triển tăng cao so với cùng kỳ, một số dự án lớn, quan trọng đã được các nhà đầu tư ký kết, triển khai thực hiện; môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện, các chỉ số PCI, PAPI của tỉnh đều tăng và đứng trong top 10 cả nước. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội được nâng lên; các chế độ chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đời sống nhân dân được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo; đã tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp.

³ Gồm: Thu nội địa 53,2% KH; sản lượng lương thực đạt 57% KH; kim ngạch xuất khẩu (48,2% KH); huy động vốn đầu tư (48,6%KH); giải quyết việc làm (48% KH); Trường đạt chuẩn quốc gia (52,2%); Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự (đạt KH).

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2016 còn những hạn chế, yếu kém trên một số lĩnh vực, cụ thể là:

1. Một số hạn chế, yếu kém kéo dài trong nhiều năm do tác động đan xen của cả các yếu tố khách quan và chủ quan, như:

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp còn chậm.
- Nhiều dự án đầu tư trực tiếp, dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư thực hiện chậm; nhiều dự án đã triển khai thực hiện nhưng chậm kéo dài so với cam kết. Số dư vốn tạm ứng tuy giảm so với đầu năm nhưng vẫn còn cao, tính đến ngày 15/6/2016 là 1.520 tỷ đồng (cùng kỳ là 1.251 tỷ đồng). Công tác quản lý chất lượng công trình; giám sát, đánh giá đầu tư còn nhiều hạn chế; công tác lập, nộp báo cáo quyết toán ở nhiều chủ đầu tư vẫn còn chậm so với quy định; đến ngày 15/6/2016, còn 69 công trình, gói thầu hoàn thành đã quá thời gian quy định nhưng các chủ đầu tư chưa lập hoặc nộp báo cáo quyết toán. Việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản còn chậm, nhất là ở cấp huyện, xã.

- Cơ sở vật chất, thiết bị trường học chưa đảm bảo theo yêu cầu, nhất là phòng học khối mầm non; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu giáo viên, không đồng bộ về cơ cấu chưa được giải quyết triệt để. Các bệnh viện công lập vẫn trong tình trạng quá tải.

- Doanh nghiệp nợ đóng BHXH cho người lao động tiếp tục gia tăng⁴; một số doanh nghiệp FDI vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra đình công tập thể. Việc chấp hành các quy định về an toàn lao động ở nhiều đơn vị còn hình thức, đã xảy ra một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng.

2. Một số hạn chế, yếu kém mới phát sinh do chịu tác động bởi cả yếu tố khách quan và chủ quan, như:

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài đầu năm làm nhiều diện tích lúa phải gieo cấy lại, diện tích vụ đông chỉ đạt 96,3% KH; thu mua mía nguyên liệu đạt thấp so kế hoạch đề ra do diện tích và năng suất giảm. Công tác phòng chống dịch bệnh tuy được tăng cường song vẫn xuất hiện bệnh lở mồm long móng ở gia súc. Tình trạng vi phạm các quy định trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản còn diễn ra.

- Một số sản phẩm công nghiệp đạt thấp so với cùng kỳ, kế hoạch như: bia (đạt 37% kế hoạch, 94,4% cùng kỳ), xi măng (44,5% KH), men thực phẩm (47,9% KH, 63,7% cùng kỳ); tiến độ thực hiện một số dự án công nghiệp còn chậm, như: Thép Nghi Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn 2, dây chuyền 2 nhà máy xi măng Công Thanh đi vào hoạt động nhưng chưa ổn định, sản lượng đạt thấp so với kế hoạch,... ảnh hưởng đến sản lượng công nghiệp chung và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

⁴ Đến ngày 31/5/2016, có 1186 doanh nghiệp nợ đóng BHXH từ 3 tháng trở lên với tổng số tiền là 147 tỷ đồng.

- Hoạt động của một số doanh nghiệp vẫn còn khó khăn; 6 tháng đầu năm có 276 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 67 doanh nghiệp so với cùng kỳ; 30 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 1 doanh nghiệp.

- Tiến độ thực hiện của một số chương trình, dự án đầu tư công còn chậm so với kế hoạch và so với yêu cầu đề ra, nhất là các dự án khởi công mới, các dự án thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới, CTMTQG giảm nghèo bền vững, chương trình kiên cố hóa trường lớp học.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

I. VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Về triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/12/2015 và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 146/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, UBND tỉnh đã có Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 kịp thời ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh với trọng tâm là **“Hoàn thiện thể chế - tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính - tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển”**; trong đó, đã xác định 07 vấn đề bức xúc để tập trung chỉ đạo giải quyết, xử lý, gồm: đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm; ô nhiễm môi trường; sử dụng đất đối với các dự án; đảm bảo chất lượng xây dựng công trình; quá tải tại các bệnh viện công lập; tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và lao động hợp đồng; bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp chuẩn bị các chương trình, đề án; phân công chỉ đạo, phụ trách, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các dự án lớn đã và đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, có vai trò quan trọng, tạo tiền đề để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, tập trung vào công tác chuẩn bị các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2016 - 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2016, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo hoàn chỉnh 5 chương trình trọng tâm và 3 khâu đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, xây

dựng mới các cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020; xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân trên địa bàn xã Quảng Cư, phường Trung Sơn, phường Trường Sơn và phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn bị ảnh hưởng của dự án "Không gian du lịch ven biển phía đông đường Hồ Xuân Hương, thị xã Sầm Sơn", Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa; xây dựng Quy định xét tặng danh hiệu "Vì sự phát triển tỉnh Thanh Hóa"; chỉ đạo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/6/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đề xuất nhiệm vụ giải pháp tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai, hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật tổ chức Quốc hội,...; tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành luật; chỉ đạo các ngành, địa phương vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, nổi bật nhất là việc xúc tiến, mời gọi, thu hút các tập đoàn, tổng công ty lớn đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) nhằm giảm bớt áp lực cho ngân sách nhà nước trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch, đô thị.

2. Về chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực

Cùng với việc giải quyết các vấn đề lớn, chiến lược trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, giải quyết các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, vấn đề mới phát sinh, vấn đề bức xúc, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra đầu năm 2016, cụ thể:

2.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng mô hình liên kết sản xuất, thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc, bảo vệ cây trồng vụ đông, vụ chiêm xuân và triển khai sản xuất vụ thu mùa; tăng cường công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại đối với cây trồng, vật nuôi; trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và phòng, chống cháy rừng; chấn chỉnh công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường đảm bảo an toàn hoạt động tàu cá trên biển; tăng cường phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý, công khai vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; chỉ đạo các biện pháp xây dựng huyện, xã nông thôn mới.

2.2. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn về vốn, cấp điện, cấp nước, mặt bằng sản xuất, nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, cơ chế, chính sách để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai, nhất là các dự án trọng điểm như: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cảng tổng hợp quốc tế gang thép Nghi Sơn, Nhà máy xi măng Long Sơn, Đại lộ Nam sông Mã, đường Hồ Xuân Hương thị xã Sầm Sơn, các dự án của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải

phóng mặt bằng phục vụ các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các dự án giao thông lớn, như: đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, đường Trần Nhân Tông, đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa, Quốc lộ 47, 217,...; đã thu hút các dự án: Trung tâm thương mại Vincom, Trụ sở làm việc Thành ủy, HĐND, UBND và các đoàn thể thành phố Thanh Hóa, Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thị xã Sầm Sơn, theo hình thức BT, BOT.

2.3. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung chỉ đạo tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; rà soát, đánh giá chất lượng các công trình đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý tiến độ, chất lượng các công trình, dự án đầu tư công; hoàn thành hồ sơ, thủ tục đối với các dự án sử dụng vốn NSTW dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; rà soát và xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2016 - 2020; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân của các dự án sử dụng vốn nhà nước; quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng và hoàn ứng; giải quyết, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán các dự án, chương trình phát triển nhà ở tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2.4. Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá, bán hàng đa cấp, chống buôn lậu, gian lận thương mại, bình ổn thị trường, nhất là trong dịp Tết; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; vận động các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” gắn với cuộc vận động “Người Thanh Hóa ưu tiên dùng hàng Thanh Hóa”; tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch, nhất là du lịch biển ở thị xã Sầm Sơn và các khu du lịch Hải Tiến, Hải Hòa.

2.5. Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện sớm việc phân bổ kinh phí, kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án ngay từ những ngày đầu năm, tạo tính chủ động cho các đơn vị, các chủ đầu tư và nhà thầu trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ; tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng tiền nộp ngân sách nhà nước; khai thác có hiệu quả nguồn thu cấp quyền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng; điều hành thu, chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng dự toán được duyệt; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công; công tác thu nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động; ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016; chỉ đạo rà soát và đề xuất mức thu, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2.6. Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác khoáng sản đá làm vật

liệu xây dựng; tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết và kinh doanh khoáng sản, các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hoàn chỉnh đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2.7. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thành công Lễ mít tinh Quốc gia kỷ niệm Ngày nước Thế giới; chuẩn bị Lễ công bố Quyết định và đón Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt đối với di tích Hang Con Moong; lập hồ sơ đề nghị xếp hạng Di tích Quốc gia Điện Thừa Hoa, xã Định Hòa, huyện Yên Định; giải quyết tình trạng nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tăng cường quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm; chỉ đạo cấp gạo cứu đói cho người dân trong kỳ giáp hạt; tăng cường kiểm tra công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; thực hiện đổi mới công tác cai nghiện ma túy tại các trung tâm và cộng đồng; tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách 30a, 134, 135 vùng đồng bào dân tộc miền núi; phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội đồng bào Mông, huyện Mường Lát, Quan Sơn, đồng bào Khơ Mú, giai đoạn 2016 – 2020; xây dựng Đề án thành lập Nhà hát nghệ thuật dân tộc trên cơ sở hợp nhất ba đoàn nghệ thuật Tuồng, Chèo, Cải lương; Đề án sắp xếp các trường trung học phổ thông hiện có của tỉnh đến năm 2020; đã chuẩn bị và đang trình HĐND tỉnh về quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh; chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập, hỗ trợ Trường THPT chuyên Lam Sơn và học sinh năng khiếu thể dục, thể thao; chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu của Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa hướng tới thành lập Trường Đại học Y Thanh Hóa; chính sách hỗ trợ đối với học sinh năng khiếu trường Cao đẳng Thể dục thể thao Thanh Hóa.

2.8. Trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư và hoạt động đối ngoại, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại; đã tiếp và làm việc với Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Đại sứ Hoa Kỳ, Đoàn công tác của Hoàng tử Qawi - Vương quốc Brunei và các doanh nhân đến từ khu vực Bắc Mỹ, khối Asean, Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Tổng Công ty Cổ phần Namsan - Hàn Quốc; Đoàn cán bộ cấp cao của tỉnh Gunna - Nhật Bản, Tập đoàn tư vấn Boston (BCG); tổ chức đoàn công tác đến Singapore xúc tiến đầu tư dự án Khu công nghiệp thực phẩm tỉnh Thanh Hóa; ký Biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Sun Group về việc đầu tư dự án Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Bến En và đầu tư hoàn chỉnh dự án Khu tâm linh Am Tiên, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn; ký cam kết tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); ký biên bản ghi nhớ đầu tư với Tập đoàn Hyosung (Hàn Quốc) về hợp tác đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, tổ hợp nhà máy hạt nhựa và kho ngầm chứa khí hóa lỏng; chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư và Quảng bá du lịch tỉnh Thanh Hóa năm 2016, Hội chợ thương mại miền Tây Thanh Hóa năm 2016.

2.9. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai công tác tuyển quân và giao quân đợt 1 năm 2016 và công tác huấn luyện quân sự, chính trị, chuyên ngành cho các đối tượng theo kế hoạch; mở đợt cao điểm đấu tranh, trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau Tết, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; chủ động và có phương án kịp thời ổn định tình hình, ngăn chặn các hành vi quá khích, lợi dụng khiếu kiện đông người để gây rối trật tự công cộng; tăng cường công tác chống lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh; tăng cường nắm tình hình, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động thu gom phurong, hui, họ, biểu mất khả năng thanh toán, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn tình trạng công dân trên địa bàn tỉnh xuất cảnh trái phép; xây dựng Đề án tăng cường đảm bảo an ninh biên giới phía Tây, giai đoạn 2016 - 2020, Đề án tăng cường bảo vệ an ninh trật tự, đảm bảo an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế biển, đảo giai đoạn 2016 - 2020.

2.10. Trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, và tiếp công dân, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là trong các ngày Đại hội Đảng lần thứ XII và ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản; tăng cường thanh tra và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác tiếp dân theo hướng tăng cường đối thoại trực tiếp để giải quyết các kiến nghị của công dân.

2.11. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh đã chỉ đạo thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo đúng quy định của pháp luật, tiến độ, thời gian; toàn tỉnh có 2.574.617 cử tri trên tổng số 2.585.223 cử tri đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 99,59%; có 26/27 huyện, thị xã, thành phố đạt tỷ lệ trên 99% (còn 01 huyện Nông Cống đạt 98,71%). Kết quả, đã bầu đủ 14 đại biểu Quốc hội khóa XIV và 95 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2016-2021 với số phiếu tập trung, đúng định hướng, đảm bảo cơ cấu, thành phần theo phân bổ; bầu được 993 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện (thiếu 06 đại biểu, chiếm 0,60% số đại biểu được bầu), 16.066 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (thiếu 373 đại biểu, chiếm 2,27% số đại biểu được bầu) cơ bản đúng định hướng, đảm bảo cơ cấu, thành phần theo phân bổ.

3. Về triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

3.1. Về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Thực hiện chủ trương nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu các ngành, các cấp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện phê bình nghiêm khắc đối với tập thể, các cá nhân vi phạm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và giải quyết công việc cho tổ chức, công dân; ban hành Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về quy định đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo hướng đánh giá cụ thể về các nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới để hoàn thiện hệ thống văn bản của tỉnh có liên quan, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, như: quy định về nghi thức lễ tân ngoại giao trong việc đón, tiếp khách nước ngoài đến thăm, làm việc và tham dự các hoạt động đối ngoại; quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng; quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh; quy định số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; quy định về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh,...; xây dựng và ban hành nhiều kế hoạch chuyên đề để triển khai thực hiện trong năm 2016.

3.2. Về triển khai thực hiện Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2016:

a) Về các nội dung trình UBND tỉnh: Chương trình công tác 6 tháng đầu năm 2016 có 57 nội dung trình UBND tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến 34 nội dung, thống nhất gia hạn hoặc đưa ra ngoài Chương trình công tác 09 nội dung. Có 03 nội dung các ngành, đơn vị đã trình UBND tỉnh, nhưng chưa bố trí được lịch họp để Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh nghe, cho ý kiến, bao gồm: Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, giải pháp đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong giai đoạn tới do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị; Quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh do Sở Nội vụ chuẩn bị; Đề án sắp xếp các trường trung học phổ thông hiện có của tỉnh đến năm 2020 do Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị.

b) Về các nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh: Theo kế hoạch, trong 6 tháng đầu năm 2016 có 34 nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh; đến nay, các ngành, đơn vị đã trình Chủ tịch UBND tỉnh 16 nội dung; còn lại 18 nội dung các ngành, đơn vị đang hoàn chỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh.

3.3. Về giải quyết các vấn đề bức xúc:

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án có sử dụng đất đã được giao đất, chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh, đề ra danh mục các dự án cần thu hồi do chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích; rà soát, đánh giá thực trạng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đề ra cơ chế phối hợp và các giải pháp khắc phục khó khăn bất cập, tạo sự chuyển biến có tính đột phá trong giải phóng mặt bằng; rà soát, đánh giá thực trạng về chất lượng công trình xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn nhà nước, đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng đầu tư xây dựng cơ bản, giảm thiểu thất thoát; rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp giải quyết tình trạng giáo viên dôi dư, lao động hợp đồng không đúng quy định, hoàn chỉnh Quy chế thi tuyển công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh; xây dựng Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm, Đề án bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc phát sinh, nổi cộm mà cử tri và nhân dân quan tâm; đã chấn chỉnh các vi phạm trong việc thực hiện chủ trương tạm dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện; cán bộ đi lễ hội, đền chùa đầu năm trong giờ hành chính; xử lý vi phạm trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn thị xã Sầm Sơn; chỉ đạo xử lý, giải quyết các vấn đề bức xúc trong khám, chữa bệnh, nợ đọng bảo hiểm xã hội; khắc phục, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường nước sông Bưởi (huyện Thạch Thành), sông Bạng (huyện Tĩnh Gia), tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lò vôi thủ công; chấn chỉnh việc thực hiện liên doanh, liên kết mua sắm trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; tập trung giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài; phối hợp chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình khiếu kiện của nhân dân để kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết.

4. Các sở, ngành và địa phương đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao, như: Sở Kế hoạch và Đầu tư trong công tác tham mưu xây dựng Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, Quy định về phân cấp và ủy quyền trong quản lý đầu tư xây dựng từ vốn NSNN của tỉnh giai đoạn 2016-2020, Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán các dự án,... và trong việc xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trong việc xúc tiến đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc tham mưu xây dựng Đề án đảm bảo an toàn

thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tham mưu xây dựng Đề án bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Sở Nội vụ trong việc tham mưu cho Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; Công an tỉnh trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh, nhất là trong dịp trước và trong Ngày bầu cử; các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh trong việc thực hiện công tác bồi thường GPMB thực hiện dự án.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Nhìn chung, tiến độ thực hiện các nội dung trình UBND tỉnh theo Chương trình công tác còn chậm, một số nội dung có chất lượng chưa đạt yêu cầu phải trình nhiều lần. Việc chuẩn bị các chương trình, đề án trong Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh của một số sở, ngành, địa phương chưa đảm bảo thời gian quy định.

2. Việc tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh đến người dân ở một số địa phương chưa kịp thời, cụ thể và rõ ràng dẫn đến khiếu kiện đông người, vượt cấp, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chỉ đạo, điều hành trên một số lĩnh vực tuy quyết liệt nhưng kết quả, hiệu quả chưa cao như: công tác bồi thường GPMB dự án Hệ thống tiêu úng Đông Sơn, dự án đường vành đai Đông Tây, Dự án số 01 khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa, Dự án Biệt thự cao cấp xã Quảng Cư, Khu đô thị sinh thái FLC, Khu đô thị sinh thái hai bờ Sông Đơ, Dự án may mặc xuất khẩu EVERRICH,... tiến độ còn chậm; công tác quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế, thiếu biện pháp ngăn ngừa, cảnh báo, tham mưu chấp thuận chủ trương cơ sở sản xuất chưa phù hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường; công tác lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện còn chậm; một số chính quyền cấp huyện, xã chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo ngăn chặn triệt để hoạt động tập kết, khai thác cát trái phép; việc triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, nợ đọng BHXH còn chậm; tình trạng người dân xuất cảnh trái phép ra nước ngoài, truyền đạo, di dân tự do còn xảy ra; kết quả xoá đói, giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với trung bình của cả nước.

4. Mặc dù môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện song một số chỉ số thành phần trong PCI lại có xu hướng giảm và xếp hạng thấp như: chỉ số về cạnh tranh bình đẳng (thứ 62/63 tỉnh, thành phố); chi phí thời gian (53/63); tính năng động và tiên phong của lãnh đạo (44/63); tiếp cận đất đai (42/63); chi phí không chính thức (40/63).

5. Kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành mệnh lệnh hành chính ở một số ngành, địa phương chưa nghiêm; chưa chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao; còn một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng đến nỗ lực chung của tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;

việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, tuyển dụng lao động ở một số nơi chưa đúng theo quy định và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

6. Một số cơ quan chuyên môn thực hiện chưa tốt chức năng tham mưu cho UBND tỉnh về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực được giao, chất lượng tham mưu còn hạn chế; một số địa phương thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, hoàn thành với tỷ lệ công việc đã thực hiện còn thấp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu và thuộc trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các ngành, các cấp.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

I. NHIỆM VỤ CÒN LẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2016, nhiệm vụ còn lại của một số chỉ tiêu chủ yếu trong 6 tháng cuối năm như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá năm 2010) 6 tháng cuối năm phải đạt 9,9% trở lên (kế hoạch cả năm là 9%), trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản tăng 2,1% (KH năm 2,3%);
- Công nghiệp tăng 11,3% (KH năm 10,2%);
- Xây dựng tăng 14,6% (KH năm 15,8%);
- Dịch vụ tăng 7,0% (KH năm 7,2%).
- Thuế sản phẩm 33,8% (KH năm 17,4%).

2. Sản lượng lương thực đạt 722,6 nghìn tấn (KH năm 1,67 triệu tấn).

3. Kim ngạch xuất khẩu đạt 839,3 triệu USD (KH năm 1.620 triệu USD).

4. Huy động vốn ĐTPT đạt 64.250 tỷ đồng (KH năm 125.000 tỷ đồng).

5. Thu NSNN đạt 6.033 tỷ đồng (KH năm 11.100 tỷ đồng).

6. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 38 xã (KH năm 26,2% tổng số xã - tương đương tăng thêm 40 xã).

7. Giải quyết việc làm cho 33.350 lao động (KH năm 64.000 lao động).

8. Số trường học đạt chuẩn quốc gia: 22 trường (KH năm 55,3% tổng số trường - tương đương tăng thêm 46 trường).

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

Để tranh thủ thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn thách thức, phấn đấu

hoàn thành các mục tiêu năm 2016, các cấp, các ngành cần tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2016 của UBND tỉnh; đồng thời tập trung thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm

1.1. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ mùa, vụ đông theo khung thời vụ với cơ cấu giống hợp lý; tăng cường quản lý vật tư, phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chủ động phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, trọng tâm là thực hiện tốt kế hoạch tiêm phòng đợt 2. Đẩy mạnh trồng rừng, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm; tăng cường chăm sóc, bảo vệ rừng và phòng, chống cháy rừng, nhất là tại các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng phòng hộ. Tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách phát triển thủy sản, nhất là chính sách cho vay đóng mới, nâng cấp tàu công suất từ 400 CV trở lên; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình tổ, đội, hợp tác; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về nguồn lợi thủy sản. Hoàn thành kế hoạch trồng rừng năm 2016. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chăn nuôi bò sữa và dự án phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

Rà soát các phương án phòng chống thiên tai, chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư dự trữ và các điều kiện tốt nhất phục vụ phòng chống bão lụt theo phương châm 4 tại chỗ để chủ động xử lý khi có tình huống xảy ra; đôn đốc đẩy nhanh các dự án đê điều, hồ đập, phục vụ phòng chống bão lụt; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hỗ trợ ngư dân các biện pháp an toàn khi hoạt động sản xuất trên biển, giảm thiểu tai nạn tàu thuyền trên biển.

1.2. Thường xuyên theo dõi sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; tổng hợp, rà soát các sản phẩm chủ yếu mà kết quả sản xuất 6 tháng đầu năm đạt thấp so với kế hoạch và cùng kỳ như: bia, xi măng,... để đề ra giải pháp phù hợp nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi để doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch cả năm. Đối với các doanh nghiệp có sản lượng sản xuất đạt khá so với kế hoạch (trên 50%); các sản phẩm đang có thuận lợi về thị trường như: giày, may mặc, VLXD, thủy sản đông lạnh, tinh bột sắn, xi măng,... cần khuyến khích, động viên doanh nghiệp tăng sản lượng, phấn đấu vượt kế hoạch năm để bù đắp cho các sản phẩm dự kiến không đạt kế hoạch; tiếp tục làm việc với các tổng công ty để giao tăng chỉ tiêu cho các doanh nghiệp Thanh Hóa đối với các sản phẩm: bia, thuốc lá, sữa, điện sản xuất; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất công nghiệp chung của tỉnh.

Đôn đốc, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi để doanh nghiệp, nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp dự

kiến hoàn thành trong năm như: xi măng Long Sơn (GĐI), NM sản xuất dầu ăn, thủy điện Trung Sơn, Bá Thước 1, các nhà máy may tại huyện Đông Sơn, Như Thanh và các dự án công nghiệp trọng điểm đang triển khai thực hiện như: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, thép Nghi Sơn, nhiệt điện Nghi Sơn 2, thủy điện Hồi Xuân...

Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện năng, đấu nối chặt chẽ với Tổng Công ty Điện lực miền Bắc để tăng sản lượng điện cung cấp cho tỉnh, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; thực hiện tốt việc điều tiết điện năng, đảm bảo hợp lý; ưu tiên cấp điện đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất.

1.3. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thúc đẩy thương mại nội địa và xuất khẩu; thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn gắn với tổ chức các hội chợ thương mại cấp huyện. Phân tích, dự báo các hiệp định thương mại có hiệu lực trong năm 2016 để cụ thể hóa đối với các ngành sản xuất, dịch vụ của tỉnh nhằm khai thác tối đa lợi thế, giảm tác động trái chiều từ hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo kim ngạch xuất khẩu. Tăng cường công tác quản lý thị trường, ngăn chặn có hiệu quả hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường, nhất là các mặt hàng liên quan trực tiếp đến sản xuất và đời sống như: vật tư nông nghiệp, thuốc chữa bệnh, hàng hóa thực phẩm,...

Quản lý tốt hoạt động du lịch trên địa bàn, chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ, văn hóa giao tiếp; xử lý nghiêm các trường hợp chèo kéo, ép giá du khách; đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch của tỉnh; tạo điều kiện tốt nhất để đẩy mạnh phát triển du lịch, nhất là du lịch Sầm Sơn. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển dịch vụ vận tải; tạo điều kiện hỗ trợ các hãng hàng không mở thêm các đường bay nội địa tại Cảng hàng không Thọ Xuân.

1.4. Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; các nội dung trong biên bản cam kết giữa tỉnh Thanh Hóa và VCCI trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại công khai để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà các doanh nghiệp đang cần giải quyết; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, mặt bằng, nguyên liệu sản xuất, cấp điện, cấp nước, thủ tục hành chính, thị trường tiêu thụ sản phẩm... để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2016 ở mức cao nhất.

Các tổ chức tín dụng thực hiện tốt các chính sách tiền tệ, tín dụng của Trung ương trên địa bàn; đẩy mạnh công tác huy động vốn; tiếp tục cắt giảm chi phí để hạ lãi suất cho vay, đồng thời đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục và điều kiện cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh.

2. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công

2.1. Hoàn thành đánh giá tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/6/2011 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; trên cơ sở đó, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. Rà soát các tiêu chí thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2015 đạt điểm số, thứ hạng thấp, làm rõ nguyên nhân và đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp để khắc phục nhằm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch theo hướng cụ thể, chi tiết đến từng dự án, nhà đầu tư; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tại TX. Sầm Sơn (phối hợp với BIDV tổ chức), Hàn Quốc... Đấu mỗi chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để tìm hiểu thông tin về định hướng, lĩnh vực ưu tiên đầu tư của các nhà tài trợ nhằm chuẩn bị hồ sơ, đề xuất dự án cho phù hợp; trong đó tập trung hoàn thành hồ sơ thủ tục để sớm được chấp thuận và triển khai các dự án ODA: Phát triển đô thị động lực Tỉnh Gia; phát triển doanh nghiệp và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa; cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc.

Tiếp tục rà soát các dự án đầu tư trực tiếp, kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án không thực hiện, thực hiện chậm, vi phạm cam kết nhằm xử lý dứt điểm tình trạng dự án, quy hoạch treo làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, đời sống người dân và tạo môi trường cạnh tranh thực sự bình đẳng cho các doanh nghiệp.

2.2. Các ngành chức năng tăng cường kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; nghiệm thu, lên phiếu giá khối lượng hoàn thành để thanh toán và hoàn ứng theo quy định, nhất là các dự án có số dư tạm ứng lớn từ năm 2014 trở về trước. Các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu đối với các dự án khởi công mới, chậm nhất đến 30/9/2016 (trừ các dự án sử dụng vốn NSTW, dự án thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học) phải tổ chức lựa chọn được nhà thầu để khởi công xây dựng công trình.

UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với các chủ đầu tư tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong công tác GPMB. Huy động các nguồn vốn đối ứng (CT 135, CT 257, CTMTQG xây dựng nông thôn mới) thuộc trách nhiệm của địa phương để đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án thực hiện đúng tiến độ và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các chủ đầu tư rà soát, tham mưu điều chuyển vốn của các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân thấp,

theo hướng dự án hoàn thành được giao kế hoạch vốn để thanh toán KLHT nhưng đến 30/6/2016 chưa giải ngân hết kế hoạch vốn; dự án chuyển tiếp nhưng đến 30/6/2016 giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn; dự án khởi công mới nhưng đến 30/9/2016 (trừ các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương) chưa lựa chọn được nhà thầu thi công để ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm và các dự án đủ điều kiện theo quy định. Đồng thời, tham mưu cho UBND tỉnh xử lý nghiêm các chủ đầu tư chậm trễ, thiếu trách nhiệm trong công tác chuẩn bị đầu tư. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và triển khai xây dựng Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 theo quy định.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành ngân sách nhà nước; đẩy mạnh các biện pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành dự toán thu cả năm

3.1. Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách; tập trung chỉ đạo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các nguồn thu ngân sách theo dự toán; triển khai quyết liệt các biện pháp giảm nợ đọng thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế. Tập trung cao cho việc thu hồi các khoản nợ đọng ngân sách từ đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế cho cộng đồng doanh nghiệp và người nộp thuế; tiếp tục mở rộng kê khai thuế qua mạng và thực hiện nộp thuế điện tử thông qua hệ thống kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế; tổng hợp để công khai các doanh nghiệp chây ỳ, nợ đọng, có số nợ đọng thuế lớn.

3.2. Quản lý chặt chẽ việc chi tiêu ngân sách theo đúng chế độ và dự toán được giao từ đầu năm; không bổ sung các khoản chi phát sinh ngoài dự toán được duyệt, trừ các trường hợp khẩn cấp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách, đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chính sách mà Trung ương, tỉnh đã ban hành để đảm bảo hiệu quả, chống thất thoát.

4. Tăng cường quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và cải thiện môi trường

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, tập kết, vận chuyển khoáng sản trái phép. Kiểm tra, rà soát các dự án đã được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án; kiên quyết thu hồi các dự án thực hiện chậm theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát môi trường theo kế hoạch; chú trọng kiểm tra các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, nhất là các nhà máy sản xuất gần khu vực bờ biển, các dòng sông, trong khu dân cư để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Đẩy nhanh tiến độ các dự án xử lý, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường; sớm ban hành cơ chế hỗ trợ đầu tư xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt để triển khai thực hiện. Có cơ

chế gắn trách nhiệm của người đứng đầu ngành tài nguyên và môi trường và người đứng đầu các địa phương, đơn vị nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

5. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội; tăng cường đào tạo nghề, giải quyết việc làm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội

5.1. Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2016; tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy ở các cấp học, bậc học năm học 2016 - 2017; thực hiện việc sắp xếp và giải quyết tình trạng giáo viên dôi dư; chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định; công khai các khoản thu đầu năm học theo quy định, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo không xảy ra tình trạng lạm thu, gây bức xúc trong nhân dân. Hoàn thành các điều kiện để di chuyển Trường THPT chuyên Lam Sơn đến cơ sở mới trước khi khai giảng năm học 2016 - 2017. Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX tại Thanh Hóa.

5.2. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật mới, tăng cường chuyển giao kỹ thuật điều trị chuyên sâu cho các bệnh viện tuyến dưới nhằm giảm tải cho tuyến trên; tổ chức thực hiện tốt việc áp dụng giá dịch vụ y tế theo khung giá mới. Tăng cường công tác y tế dự phòng; chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, không để xảy ra dịch lớn; thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm.

5.3. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Lễ hội Lam Kinh năm 2016; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành đề án phát huy các giá trị truyền thống của con người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH và hội nhập quốc tế; đề án phục dựng và phát huy giá trị các lễ hội tiêu biểu và các loại hình văn hóa dân gian đặc sắc, phục vụ phát triển du lịch; triển khai lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Hang Con Moong. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; chuẩn bị tốt các điều kiện để thể thao thành tích cao tham gia các giải đấu quốc gia và quốc tế đạt thành tích cao nhất.

5.4. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, nhất là việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và các quy định về an toàn lao động, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và hạn chế thấp nhất các vụ tai nạn lao động. Nắm bắt, xử lý kịp thời các tranh chấp, mâu thuẫn giữa người lao động và người sử dụng lao động để ngăn chặn, hạn chế nguy cơ đình công, lãn công trái pháp luật. Giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động bị mất việc làm. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách đối với người có công; thường xuyên theo dõi tình hình đời sống nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai, dịch bệnh để có phương án cứu trợ kịp thời, không để nhân dân thiếu đói.

6. Bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn

Các lực lượng vũ trang tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình, duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường tuần tra, quản lý biên giới, các địa bàn trọng điểm; tập trung giải quyết kịp thời những vụ việc nổi cộm, không để phát sinh thành điểm nóng; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, sẵn sàng hiệp đồng với các đơn vị, địa phương tham gia phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống khẩn cấp.

Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, kiềm chế không để tội phạm gia tăng; ngăn chặn, kiểm soát người dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê; quản lý chặt chẽ lao động người nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh; xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc; ngăn chặn có hiệu quả hoạt động truyền đạo trái phép, di cư tự do ở khu vực miền núi, biên giới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông.

7. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước

Tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy chế hoạt động và các quy định trong quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành; xử lý nghiêm các cơ quan đơn vị tham mưu đề xuất không phù hợp với quy định của pháp luật; chậm trễ, không chấp hành chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; tiếp tục thực hiện nghiêm quy định “3 không” trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết công việc cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân; triển khai thực hiện cuộc vận động “chuyên môn nghiệp vụ - trách nhiệm - nụ cười công chức”; kiên quyết xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân gây khó khăn, phiền hà, những nhiễu trong quá trình giải quyết công việc.

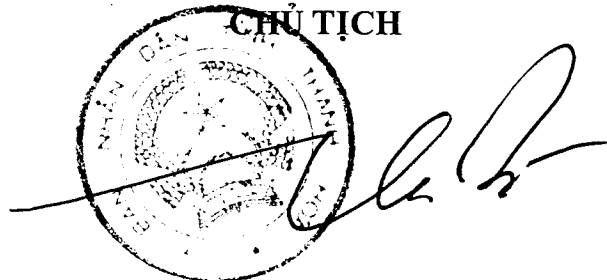
8. Các ngành, các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 (Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh), tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt 07 vấn đề bức xúc và khẩn trương hoàn thành các chương trình, đề án trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt trong 6 tháng cuối năm; đồng thời, tiến hành đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2017, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm nêu trên; các cấp, các ngành khẩn trương xác định cụ thể nhiệm vụ còn lại trong kế hoạch năm 2016 của ngành mình, địa phương mình và phân công trách nhiệm rõ ràng để tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, góp phần cùng cả tỉnh hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ, VPQH, VPCTN (để b/c);
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc; BTL Quân khu 4;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Thanh Hóa;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

**Phụ lục: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**
(Kèm theo Báo cáo số **96** /BC-UBND ngày **28** /6/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2015	KH năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2016
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	34.500	80.830	37.269	108,03	46,1
1	Giá trị tăng thêm (VA)	Tỷ đồng	32.989	76.844	35.804	108,53	46,6
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	7.017	13.531	7.189	102,45	53,1
	- Nông nghiệp	"	5.437	10.901	5.454	100,31	50,0
	- Lâm nghiệp	"	473	825	551	116,49	66,8
	- Thủy sản	"	1.107	1.805	1.184	106,96	65,6
b	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	14.962	35.547	16.767	112,06	47,2
	- Công nghiệp	"	9.696	20.835	10.580	109,12	50,8
	- Xây dựng	"	5.266	14.712	6.187	117,49	42,1
c	Dịch vụ	"	11.010	27.766	11.848	107,61	42,7
2	Thuế sản phẩm	"	1.511	3.986	1.465	96,96	36,8
II	Tổng giá trị sản xuất - GO (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	71.216	172.846	78.338	110,00	45,3
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	12.532	25.908	12.877	102,75	49,7
	- Nông nghiệp	"	9.758	19.609	9.823	100,67	50,1
	- Lâm nghiệp	"	699	1.331	819	117,20	61,5
	- Thủy sản	"	2.076	4.968	2.235	107,68	45,0
b	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	42.209	104.839	47.567	112,69	45,4
	- Công nghiệp	"	27.764	62.475	30.510	109,89	48,8
	- Xây dựng	"	14.445	42.364	17.057	118,08	40,3
c	Dịch vụ	Tỷ đồng	16.475	42.099	17.894	108,61	42,5
B	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
I	Nông nghiệp						
1	Trồng trọt						
a	Diện tích gieo trồng vụ đông xuân	Ha	270.035	268.000	265.317	98,3	99,0
	+ Vụ đông	"	50.054	51.000	49.089	98,1	96,3
	+ Vụ chiêm xuân	"	219.981	217.000	216.228	98,3	99,6
b	Sản lượng lương thực vụ đông xuân	Tấn	961.750	934.200	951.395	98,9	101,8
	+ Vụ đông	"	99.884	105.750	93.778	93,9	88,7
	+ Vụ chiêm xuân	"	861.866	828.450	857.617	99,5	103,5
	- Lúa						
	+ Diện tích lúa chiêm xuân	Ha	124.574	117.000	123.454	99,1	105,5
	Trong đó: Lúa lai	"	78.250		70.949	90,7	
	+ Năng suất	Tạ/ha	63,0	63,5	65,2	103,5	102,7
	+ Sản lượng	Tấn	785.224	742.950	804.920	102,5	108,3
	- Ngô đông xuân						
	+ Diện tích	Ha	39.401	41.500	37.150	94,3	89,5
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,8	46,1	45,1	100,7	97,8
	+ Sản lượng	Tấn	176.526	191.250	167.589	94,9	87,6
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	18.149	19.000	17.012	93,7	89,5
	+ Năng suất	Tạ/ha	42,7	45,0	44,0	103,0	97,8
	+ Sản lượng	Tấn	76.642	85.500	73.811	96,3	86,3
	- Đậu tương đông xuân						
	+ Diện tích	Ha	3.206	3.400	2.923	91,2	86,0
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,5	15,6	15,5	100,3	99,6
	+ Sản lượng	Tấn	4.964	5.310	4.540	91,5	85,5
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	232	400	221	95,3	55,3

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2015	KH năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2016
	+ Năng suất	Tạ/ha	16,1	16,5	15,7	97,7	95,4
	+ Sản lượng	Tấn	374	660	348	93,0	52,7
2	Chăn nuôi						
	- Tổng đàn trâu	Con	192.487	200.000	192.430	100,0	96,2
	- Tổng đàn bò	"	213.310	235.000	226.547	106,2	96,4
	- Tổng đàn lợn	"	817.041	1.000.000	818.331	100,2	81,8
	- Tổng đàn gia cầm	Triệu con	16,1	19,5	16,1	99,7	82,5
	- Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	97.611	230.000	98.900	101,3	43,0
3	Lâm nghiệp						
	- Diện tích bảo vệ rừng	Ha	578.733	578.733	588.215	101,6	101,6
	- Diện tích khoanh nuôi tái sinh	"	7.000	7.605	7.605	108,6	100,0
	- Trồng rừng mới	"	3.950	10.000	3.517	89,0	35,2
	- Khai thác lâm sản						
	+ Gỗ	m3	178.966	500.000	216.678	121,1	43,3
	+ Tre luồng	Triệu cây	25,8	47,0	26,2	101,6	55,7
	+ Nguyên liệu giấy	Tấn	36.760	71.000	36.021	98,0	50,7
4	Thủy sản						
a	Sản lượng thủy sản	Tấn	69.726	150.300	74.273	106,5	49,4
	- Sản lượng khai thác	"	46.522	100.200	49.350	106,1	49,3
	- Sản lượng nuôi trồng	"	23.204	50.100	24.923	107,4	49,7
	+ Nuôi trồng nước mặn, lợ	"	10.033	22.300	10.566	105,3	47,4
	+ Nuôi trồng nước ngọt	"	13.171	27.800	14.357	109,0	51,6
b	Tổng diện tích nuôi trồng		18.400	18.900	18.900	102,7	100,0
	- Diện tích nuôi trồng nước mặn lợ	Ha	7.700	7.700	7.700	100,0	100,0
	- Diện tích nuôi trồng nước ngọt	"	10.700	11.200	11.200	104,7	100,0
II	Công nghiệp						
	- Xi măng các loại	1.000 tấn	3.937	9.500	4.225	107,3	44,5
	- Clinker	1.000 tấn	610	2.500	1.420	232,8	56,8
	- Đường kết tinh	1.000 Tấn	123.814	195	143	115,3	73,2
	- Bia các loại	1.000 lít	30.347	77.500	28.645	94,4	37,0
	- Thuốc lá bao	1.000 bao	42.825	105.000	61.707	144,1	58,8
	- Thủy sản đông lạnh chế biến	Tấn	14.216	30.800	16.204	114,0	52,6
	- Súc sản đông lạnh xuất khẩu	Tấn	917	2.500	1.048	114,3	41,9
	- Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	26.168	62.000	29.887	114,2	48,2
	- Quần áo may sẵn	1.000 cái	45.390	105.000	59.822	131,8	57,0
	- Giấy, bìa các loại	Tấn	13.969	32.200	16.884	120,9	52,4
	- Phân bón các loại	Tấn	106.031	236.580	108.743	102,6	46,0
	- Gạch xây	Tr. viên	563	1.310	566	100,5	43,2
	- Gạch lát nền ceramic	1.000 m2	2.827	5.800	2.988	105,7	51,5
	- Đá khai thác	1.000 m3	6.580	14.000	7.705	117,1	55,0
	- Đá ốp lát xây dựng	1.000 m2	6.913	16.000	8.082	116,9	50,5
	- Cát xây dựng	1.000 m3	5.951	14.210	6.676	112,2	47,0
	- Thép cán	Tấn	1.024	3.000	1.146	111,9	38,2
	- Thức ăn gia súc	Tấn	106.196	227.500	106.500	100,3	46,8
	- Bao bì PP các loại	1.000 bao	44.371	104.560	49.088	110,6	46,9
	- Chiều cỏi nội địa	1.000 lá	3.642	7.500	4.264	117,1	56,9
	- Nước máy sản xuất	1.000 m3	14.866	36.150	17.309	116,4	47,9
	- Tinh bột sắn	Tấn	28.994	44.000	36.675	126,5	83,4
	- Sữa các loại	1.000 lít	5.778	12.830	6.112	105,8	47,6
	- Ô tô tải các loại	Xe	1.366	3.500	2.280	166,9	65,1
	- Điện thương phẩm	Tr.Kwh	1.546	3.525	1.646	106,5	46,7
	- Điện sản xuất	Tr.Kwh	1.522	4.400	1.928	126,6	43,8
III	Tổng vốn ĐTPT trên địa bàn	Tỷ đồng	50.989	125.000	60.750	119,1	48,6
IV	Dịch vụ						
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	30.119	69.000	34.720	115,3	50,3

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH.6 tháng năm 2015	KH năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2016
2	Xuất khẩu						
a	Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ	1.000 USD	6.398,5	1.620.000	780.754	115,8	48,2
	- Xuất khẩu hàng hóa	"	614.813	1.525.000	716.816	116,6	47,0
	+ Xuất khẩu chính ngạch	"	596.216	1.460.000	699.060	117,2	47,9
	+ Xuất khẩu phi mậu dịch và hàng phục vụ xuất khẩu.	"	18.597	65.000	17.756	95,5	27,3
	- Hàng phục vụ xuất khẩu	1.000 USD	13.210		13.500	102,2	
	- Xuất khẩu dịch vụ	1.000 USD	45.962	95.000	50.438	109,7	53,1
b	Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu						
	+ Dưa chuột muối	Tấn	219	450	76	34,7	16,9
	+ Súc sản xuất khẩu	"	328	850	230	70,1	27,1
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	39.395	105.000	57.394	145,7	54,7
	+ Tinh bột sắn	"	7.070	22.500	7.825	110,7	34,8
	+ Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	27.199	55.000	31.362	115,3	57,0
	+ Đá ốp lát các loại	1.000 m2	837	2.500	778	93,0	31,1
	+ Xi măng	Tấn	172.494	285.000	155.233	90,0	54,5
3	Nhập khẩu						
	- Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	424.438	1.150.000	564.590	133,0	49,1
	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu						
	+ Vải may mặc; phụ liệu hàng may mặc, giày dép	1.000 USD	285.107	620.000	334.799	117,4	54,0
	+ Nguyên phụ liệu sản xuất tân dược	1.000 USD	929	6.500	1.102	118,6	17,0
	+ Máy móc, thiết bị, phụ tùng	"	126.732	485.000	206.423	162,9	42,6
4	Du lịch						
	- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.362	5.290	4.092	121,7	77,4
	- Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	3.349	5.600	3.804	113,6	67,9
	<i>Trong đó: khách quốc tế</i>	"	57,7	130	68,5	118,7	52,7
5	Vận tải						
a	Vận tải hàng hoá						
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	21.603	47.500	23.174	107,3	48,8
	- Khối lượng luân chuyển	1.000 T.km	1.275.176	2.850.000	1.332.483	104,5	46,8
b	Vận tải hành khách						
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	15.536	38.000	18.579	119,6	48,9
	- Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	893.893	2.210.000	1.084.217	121,3	49,1
c	Hàng hoá thông qua cảng	1.000 tấn	2.820	6.756	3.158	112,0	46,7
	<i>Trong đó: qua cảng Nghi Sơn</i>	"	2.600	5.950	2.945	113,3	49,5
d	Doanh thu ngành vận tải	Tỷ đồng	3.306	9.000	3.797	114,9	42,2
6	Bưu chính - viễn thông						
	- Số thuê bao điện thoại	Máy	2.558.168	2.812.000	2.789.609	109,0	99,2
	+ Cố định	"	116.067	120.000	97.466	84,0	81,2
	+ Di động	"	2.442.101	2.692.000	2.692.143	110,2	100,0
	- Mật độ điện thoại/100 dân	"	78,8	79,32	78,69	99,9	99,2
	- Số thuê bao internet	"	629.735	642.700	764.000	121,3	118,9
	- Mật độ người sử dụng internet	"	17,9	18,13	21,55	120,4	118,9
7	Thu - Chi ngân sách nhà nước						
	- Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	5.364	11.100	5.066,9	94,5	45,6
	<i>Trong đó: thu nội địa</i>	"	4.545,2	8.900	4.734,5	104,2	53,2
	- Chi ngân sách nhà nước	"	10.904	22.729	11.117,5	102,0	48,9
C	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI						
I	Y tế						
1	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	23,7	25,6	23,8	100,4	93,0

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2015	KH năm 2016	Ước TH 6 tháng năm 2016	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2016
2	Số bác sỹ/vạn dân	Người	7,3	7,8	7,6	104,1	97,4
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	71,4	84,8	80,1		
4	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	41,0	55,0	54,0		
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng	%	17,7	16,6	17,0		
6	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	14,5	13,6	14,0		
7	Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	‰	19,0	18,5	19,0		
II	Văn hoá, Thể thao, Phát thanh, truyền hình						
1	Văn hoá						
	- Đăng ký xây dựng làng, bản, khu phố đạt chuẩn văn hoá	Đơn vị	41	75	45	109,8	60,0
	- Đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	Đơn vị	100	150	103	103,0	68,7
	- Đăng ký xây dựng xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới	Xã	9	20	34	377,8	170,0
	- Đăng ký xây dựng phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	Phường, thị trấn	2	3	3	150,0	100,0
2	Thể thao						
	- Tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên	%	35,0	37	36,0		
	- Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	25,0	26,8	26,0		
	- Số VĐV cấp tỉnh đào tạo tập trung	VĐV	500	500	500	100,0	100,0
3	Phát thanh, truyền hình						
	- Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	2.534	5.110	2.548	100,6	49,9
	<i>Trong đó: phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	121	243	121	100,0	49,8
	- Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh địa phương	%	99	99	99		
	- Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	Giờ/năm	3.439	6.935	3.458	100,6	49,9
	<i>Trong đó: phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	121	243	121	100,0	49,8
	- Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	98	98	98		
III	Giáo dục, đào tạo						
1	Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	636	635	635	99,8	100,0
	- Tỷ lệ	%	99,8	100	100,0		
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.061	1.175	1.153	108,7	98,1
	+ Mẫu giáo	"	282	332	326	115,6	98,2
	+ Tiểu học	"	521	555	539	103,5	97,1
	+ Trung học cơ sở	"	242	265	267	110,3	100,8
	+ Trung học phổ thông	"	16	23	21	131,3	91,3
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50,2	55,3	54,3		
4	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá	"	83,5	87,0	86,4		
IV	Lao động và việc làm						
1	Số lao động được tạo việc làm	Người	30.580	64.000	30.650	100,2	47,9
2	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	31.251	69.400	22.417	71,7	32,3
3	Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	4.650	10.000	4.510	97,0	45,1
V	An ninh trật tự						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%		70	70,0		100,0